

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/LĐ-ST

Ngày: 10 - 08 - 2026.

V/v: “T/c HĐ lao động vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 51/2026/LĐ-ST, ngày 23 tháng 03 năm 2026, về việc: “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-LĐ, ngày 03 tháng 07 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2026/QĐST-LĐ, ngày 20 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1980. Căn cước công dân: 075180001962. Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, Thành phố Đ (ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cũ).

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1976. Căn cước công dân: 079176023328. Nơi đăng ký cư trú: ấp Đ, xã H, Thành phố Đ (ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cũ).

+ Công ty TNHH A (Tên cũ: Công ty TNHH N1). Địa chỉ trụ sở: KCN L (AMATA), phường L, Thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yu Wing H1, chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố Đ.
Địa chỉ: Số B đường H, phường T, Thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H2, sinh năm 1976. CCCD số: 025176019566. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị Bích N**

trình bày:

Vào tháng 07/2007, xuất phát từ mối quan hệ chị em, bà Nguyễn Thị Bích N cho bà Nguyễn Thị Minh H (do bà H không đủ tuổi để làm hồ sơ xin việc) mượn các giấy tờ gồm: giấy CMND, giấy khai sinh, hộ khẩu, sơ yếu lý lịch để đi làm và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH N1 từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 và được cấp sổ BHXH mã số 4707130810.

Đồng thời, từ tháng 03/2004 đến tháng 03/2011, bà N có đi làm và tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH D và được cấp sổ BHXH mã số 4707001460. Bà N đã hưởng trợ cấp một lần theo quyết định số 2912 ngày 29/06/2012, chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Tháng 01/2026, khi thực hiện gộp sổ bảo hiểm xã hội thì phát hiện trong khoảng thời gian từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 bà N bị trùng bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH N1 mang tên “Nguyễn Thị Bích N” do bà H là người trực tiếp lao động tại công ty.

Ngày 19/01/2026 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ, bà H thừa nhận bà H mượn hồ sơ của bà N để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH N1 từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 và được cấp sổ BHXH mã số 4707130810.

Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ cho rằng người giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N1, mang tên bà Nguyễn Thị Bích N là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Tuyên bố hợp đồng ký kết giữa bà Nguyễn Thị Bích N (thực tế bà Nguyễn Thị Minh H là người lao động) và Công ty TNHH N1 (nay là Công ty TNHH A) trong thời gian lao động từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 là vô hiệu.

+ Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả và bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

*** Tại bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:**

Bà H thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Bích N. Do có mối quan hệ thân quen và hoàn cảnh kinh tế của gia đình khó khăn cùng với việc thiếu hiểu biết pháp luật nên vào tháng 07/2007, bà H đã mượn giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Bích N để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH N1 (nay là Công ty TNHH A) từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008. Bà H được cấp sổ BHXH mã số 4707130810 (đứng tên của bà N).

Bà H nhận thấy việc bà mượn hồ sơ của bà N là vi phạm nguyên tắc trung thực, vi phạm trong giao kết hợp đồng lao động nên bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty

TNHH N1 (nay là Công ty TNHH A) và bà Nguyễn Thị Bích N (thực chất người lao động là bà Nguyễn Thị Minh H) từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 là vô hiệu; không yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả và bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu.

- Bị đơn Công ty TNHH N1 (nay là Công ty TNHH A) vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại phiên tòa; cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tại bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trình bày:

Qua tra cứu dữ liệu của ngành BHXH, bà Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 13/06/1980, số CMND 271365294, số CCCD 075180001962. Hiện có 03 sổ BHXH (4707130810, 4707001460, 7511187776), trong đó có 02 sổ BHXH (4707130810, 4707001460) có thời gian đóng BHXH trùng nhau, cụ thể như sau:

Mã số sổ BHXH	Thời gian đóng BHXH	Đơn vị sử dụng lao động	Đã hưởng
4707130810	07/2007-03/2008	Công ty TNHH Nam Yang International Việt Nam	-
4707001460	03/2004-03/2011	Công ty TNHH Dona Pacific Việt Nam	BHXH một lần
7511187776	04/2011-11/2024	Công ty TNHH Hansoll Việt Nam	Trợ cấp thất nghiệp

Ngày 19/01/2026, BHXH tỉnh Đ có làm việc với bà Nguyễn Thị Bích N và bà Nguyễn Thị Minh H ghi nhận về việc trùng thời gian đóng BHXH là do bà Nguyễn Thị Bích N cho bà Nguyễn Thị Minh H mượn hồ sơ để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty TNHH N1 thời gian từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 (sổ BHXH mã số 4707130810).

Như vậy, Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị Minh H (mang tên bà Nguyễn Thị Bích N) với Công ty TNHH N1 thời gian từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTĐ-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1. Bà **Nguyễn Thị Bích N** khởi kiện tranh chấp hợp đồng lao động đối với bà **Nguyễn Thị Minh H**, cư trú tại: **ấp Đ, xã H, thành phố Đ**. Căn cứ Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

1.2. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định bà **Nguyễn Thị Bích N** là nguyên đơn; bà **Nguyễn Thị Minh H** và **Công ty TNHH A** (Tên trước đây là **Công ty TNHH N2**) là bị đơn; **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1.3. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho bị đơn **Công ty TNHH A** (Tên trước đây là **Công ty TNHH N2**) nhưng Công ty không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo. Tại phiên tòa, **Công ty TNHH A** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự khác đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa bà **Nguyễn Thị Bích N** (thực tế bà **Nguyễn Thị Minh H** là người lao động) với **Công ty TNHH N2** (nay là **Công ty TNHH A**) diễn ra từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 là vô hiệu:

Bà **Nguyễn Thị Bích N** và bà **Nguyễn Thị Minh H** đều thừa nhận vào tháng 07/2007, bà **N** cho bà **H** mượn giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch) của bà **N** để ký kết hợp đồng lao động và đi làm việc tại **Công ty TNHH N2** (nay là **Công ty TNHH A**) từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 và được cấp sổ bảo hiểm xã hội mã số 4707130810.

Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cung cấp thông tin như sau: “Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh ngày 13/06/1980, số CMND 271365294, số CCCD 075180001962. Hiện có 03 sổ BHXH (4707130810, 4707001460, 7511187776), trong đó có 02 sổ BHXH (4707130810, 4707001460) có thời gian đóng BHXH trùng nhau cụ thể: Sổ BHXH số 4707130810 có thời gian đóng từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 tại **Công ty TNHH N2** và sổ BHXH số 4707001460 có thời gian đóng từ 03/2004 đến 03/2011 tại **Công ty TNHH D**.”

Xét thấy, bà **Nguyễn Thị Minh H** đã sử dụng thông tin cá nhân của bà

Nguyễn Thị Bích N để giao kết hợp đồng với Công ty TNHH N2 (nay là Công ty TNHH A) từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 là sử dụng thông tin gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động và hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L, xác định hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị Bích N (do bà Nguyễn Thị Minh H ký kết và lao động) với Công ty TNHH N2 (nay là Công ty TNHH A) diễn ra từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 là vô hiệu.

2.2. Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả và bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Trường hợp giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bà Nguyễn Thị Minh H và Công ty TNHH A mỗi người phải nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N về việc “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị Bích N (thực tế người trực tiếp lao động là bà Nguyễn Thị Minh H) với Công ty TNHH N2 (nay là Công ty TNHH A) diễn ra từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2008 là vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị Minh H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Minh H và Công ty TNHH A (Tên cũ: Công ty TNHH N2) mỗi người phải nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005848 ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh

